| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L**<br>**THÀNH PHỐ HÀ NỘI**<br>---------- | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**<br>---------- |
| Số: 90/2025/QĐST – HNGĐ | *L, ngày 12 tháng 3 năm 2025* |

# QUYẾT ĐỊNH
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 66/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Chị T; sinh năm 1997; nơi cư trú: số nhà 22, tổ 12 phường G, thành phố B, tỉnh Cao Bằng

- Bị đơn: Anh M; Sinh năm 1995; nơi cư trú: thôn 2 xã Đ (cũ là xã X), huyện L, thành phố Hà Nội

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 3 năm 2025.

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 3 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh M.

**2.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*2.1 Về con chung*: Chị T và anh M có 01 con chung là H A sinh ngày 21/10/2020. Sau khi ly hôn, anh M được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung H A, chị T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh M kể từ thời điểm ly hôn đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con chung trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

*2.2 Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng:* Chị T và anh M không yêu cầu, Tòa án không xem xét giải quyết.

*2.3 Về án phí:* Chị T tự nguyện chịu toàn bộ 150.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số BLTU/23/0065827 ngày 03/3/2025 tại chi cục thi hành án dân sự huyện L, hoàn trả chị T 150.000 đồng.

**3**. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L:
- UBND xã Đ - cũ là xã X (Số 33/2020);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Vũ Thị Hương**